

Số: 2282/BC-UBND

Lệ Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.

Thực hiện Thông báo số 35/TB- HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2026 của Thường trực HĐND xã về tổ chức Kỳ họp thứ 2 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) HĐND xã khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031; Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Lệ Ninh về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách xã Lệ Ninh năm 2026.

Được sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, sự phối hợp chặt chẽ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu thu - chi ngân sách trên địa bàn, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng thu ngân sách nhà nước đến ngày 30/6/2026 đạt 108.823 triệu đồng, bằng 71,2% dự toán giao. Trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 28.647 triệu đồng, bằng 103,9% dự toán; thu ngân sách xã được hưởng đạt 17.544 triệu đồng, bằng 66,65% dự toán.

(Chi tiết thu ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 01 kèm theo)

- Thu từ khu vực CTNNQD: 7.899 triệu đồng, đạt 64,06% so dự toán giao.
- Lệ phí trước bạ: 4.350 triệu đồng, đạt 53,4% so với dự toán giao.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 22,8 triệu, đạt 228% so với dự toán giao.
- Thu tiền thuê đất: 184 triệu, đạt 61,5% so với dự toán giao.
- Thu tiền sử dụng đất: 2.595 triệu đồng, đạt 144% so với dự toán giao.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 195 triệu đồng đạt 100% so với dự toán giao.
- Thu phí, lệ phí: 594 triệu đồng, đạt 54% so với dự toán giao.
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.021 triệu đồng, đạt 73,1% so với dự toán giao.
- Thu khác ngân sách: 490 triệu đồng, đạt 46,85% so với dự toán giao.

- Thu đóng góp ngân sách: 189 triệu đồng.

1.1. Các quỹ đóng góp của nhân dân:

Thực hiện Nghị quyết của HĐND xã Lệ Ninh, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 12/6/2026 về triển khai vận động thu các loại quỹ đóng góp của nhân dân trên địa bàn xã năm 2026 và Thông báo số 1913/TB-UBND ngày 16/6/2026 về việc vận động thu các loại quỹ đóng góp của nhân dân. UBND xã giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tham mưu, phối hợp với các thôn tổ chức triển khai thực hiện. Đến ngày 30/6/2026, 26/27 thôn đã triển khai thu, với tổng số tiền 211,531 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

1.2. Đánh giá kết quả thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2026

Ngay từ đầu năm, để bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết của HĐND xã, UBND xã đã ban hành Công văn số 83/UBND-KT ngày 10/01/2026 về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2026; đồng thời triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh và Sở Tài chính về công tác quản lý thu ngân sách. Công tác quản lý thu được thực hiện thường xuyên, các khoản thu phát sinh được theo dõi, đôn đốc và nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trong bối cảnh tình hình sản xuất, kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, giá nguyên, nhiên liệu biến động, thị trường bất động sản phục hồi chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ và khả năng thực hiện một số khoản thu trên địa bàn. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND xã và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đã vượt dự toán được giao, đạt 103,9%.

Mặc dù vậy, thu ngân sách xã được hưởng mới đạt 66,65% dự toán. Nguyên nhân chủ yếu là một số khoản thu có số thu phát sinh lớn nhưng theo quy định về phân cấp nguồn thu được điều tiết cho ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, nên phần ngân sách xã được hưởng chưa đạt tiến độ dự toán giao. Trong 6 tháng cuối năm, UBND xã sẽ tiếp tục tăng cường quản lý các nguồn thu, khai thác tốt các khoản thu còn dư địa, chống thất thu và phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2026.

2. Chi ngân sách

UBND xã đã chỉ đạo điều hành dự toán chi ngân sách theo các chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh về điều hành ngân sách năm 2026; quản lý chi tiêu chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả, nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chủ động sắp xếp các khoản chi, cắt giảm, giãn các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tập trung nguồn lực để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của xã, đảm bảo cân đối ngân sách.

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 (bao gồm cả nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên) đạt 80.542 triệu đồng, bằng 53,1% dự toán được giao. Trong đó.

2.1. Chi đầu tư phát triển: Thực hiện 1.704 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch.

2.2. Chi thường xuyên: Thực hiện 77.449 triệu đồng, đạt 53,5% dự toán, gồm:

- Chi quốc phòng: 1.463 triệu đồng, đạt 75,8% dự toán.
- Chi an ninh: 1.000 triệu đồng, đạt 50,5% dự toán.
- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 29.076 triệu đồng, đạt 46,3% dự toán.
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 85 triệu đồng, đạt 24,9% dự toán.
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 5.199 triệu đồng, đạt 68,3% dự toán.
- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể dục thể thao: 69 triệu đồng, đạt 48% dự toán.
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 363 triệu đồng, đạt 91,6% dự toán.
- Chi các hoạt động kinh tế: 6.088 triệu đồng, đạt 73% dự toán.
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng và đoàn thể: 12.576 triệu đồng, đạt 54,7% dự toán.
- Chi bảo đảm xã hội: 21.256 triệu đồng, đạt 57% dự toán.
- Chi khác ngân sách: 122 triệu đồng, đạt 71,7% dự toán.

2.3. Chi dự phòng ngân sách: Dự toán chi dự phòng ngân sách năm 2026 được bố trí 2.260 triệu đồng, đến ngày 30/6/2026 đã phân bổ 1.267 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh, cấp bách theo quy định, chủ yếu phục vụ công tác quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ đột xuất chưa được bố trí trong dự toán đầu năm.

2.4. Đánh giá kết quả chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về điều hành ngân sách năm 2026; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm hoặc giãn tiến độ các khoản chi chưa thực sự cần thiết.

Trong 6 tháng đầu năm, các chính sách an sinh xã hội; bảo hiểm y tế cho các đối tượng; chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; các chế độ trong lĩnh vực giáo dục như hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo quy định.

Bên cạnh đó, một số khoản thu trong 6 tháng đầu năm chưa đạt tiến độ dự toán, ảnh hưởng đến công tác điều hành ngân sách và cân đối nguồn lực để đầu tư các công trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Về chi đầu tư xây dựng cơ bản, năm 2026 là năm đầu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh. Quá trình triển khai thực hiện còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân. Tổng kế hoạch vốn đầu tư

công trên địa bàn xã năm 2026 là 40.736 triệu đồng, đã giải ngân 25.698 triệu đồng, đạt 63,08% kế hoạch.

UBND xã sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, phấn đấu hoàn thành cao nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 được giao.

(Chi tiết chi ngân sách 6 tháng đầu năm có Phụ lục số 02 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Tình hình kinh tế xã hội 6 tháng còn lại năm 2026 còn nhiều khó khăn, thách thức; diễn biến thời tiết, thiên tai bất thường, tình hình kinh tế xã hội trong và ngoài nước còn diễn biến phức tạp, khó lường tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2026 của xã, UBND xã tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện các giải pháp để điều hành bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ thu, chi ngân sách đã được giao năm 2026.

1. Về thu ngân sách

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai các giải pháp quản lý thu đảm bảo việc hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Phối hợp với Thuế cơ sở số 5 theo dõi, tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện dự toán năm 2026; phân tích, đánh giá nguồn thu, tiến độ thu để đề xuất, tham mưu cho UBND xã điều hành ngân sách địa phương, vừa hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, vừa đảm bảo nguồn thu, tránh thất thu thuế, phấn đấu thu vượt kế hoạch đặt ra.

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, giải đáp kịp thời những vướng mắc cho người nộp thuế thực hiện các chính sách thuế.

- Theo dõi chặt chẽ biến động về nợ thuế của người nộp thuế, rà soát, phân loại chính xác các khoản nợ thuế. Phối hợp các phòng ban chuyên môn các cơ quan đơn vị triển khai quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp đôn đốc thu nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế.

- Đối với thu tiền sử dụng đất: Phối hợp với các đơn vị liên quan các đơn vị liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch chi tiết thu tiền sử dụng đất để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất năm 2026.

2. Về chi ngân sách

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị dự toán, khẩn trương rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ nhiệm vụ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh, UBND xã về các giải pháp đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

- Điều hành, quản lý chi NSNN đúng quy định, chặt chẽ, tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả. Chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ thực hiện thu ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện phân bổ các nguồn vốn theo phân cấp. Theo dõi, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư trên địa bàn.

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2026 cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Rà soát, tổng hợp, thực hiện đầy đủ chính sách tăng lương cơ sở từ 01/7/2026 theo lộ trình cải cách tiền lương, chủ động tính toán bố trí đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng còn lại của năm 2026 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên, với sự quan tâm, hỗ trợ của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành cấp tỉnh, sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, cùng với nỗ lực của phòng ban, đơn vị, các thôn trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã sẽ chỉ đạo thực hiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026. / *nghe*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- 02 Ban HĐND xã;
- Các phòng ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KT.

(B/C)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hán

Phụ lục số 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ ĐẾN 30/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số 2282 /BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Lê Ninh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch tình giao năm 2026					Thực hiện đến 30/6/2026					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra	
				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				T	X
Tổng cộng	152.860.000.000	-	152.860.000.000	1.253.000.000	151.607.000.000	108.823.655.041	1.345.281.995	107.478.373.046	9.758.242.502	97.720.130.544	71.19		150	779	64.46
1. Thu ngân sách NN trên địa bàn	27.576.000.000	-	27.576.000.000	1.253.000.000	26.323.000.000	28.647.710.197	1.345.281.995	27.302.428.202	9.758.242.502	17.544.185.700	103.89		99.01	778.79	66.65
Số thu trong cân đối không kể COSDD	24.576.000.000	-	24.576.000.000	53.000.000	24.523.000.000	24.349.572.597	696.305.105	23.653.267.492	8.704.989.352	14.948.278.140	99.08		96.25	16.424.51	60.96
Số thu trong cân đối không kể các khoản huy động	24.576.000.000	-	24.576.000.000	53.000.000	24.523.000.000	24.160.112.597	696.305.105	23.463.807.492	8.704.989.352	14.758.818.140	98.31		95.47	16.424.51	60.18
1. Thuế CTN và DV NQD	12.332.000.000	-	12.332.000.000	-	12.332.000.000	14.893.133.944	-	14.893.133.944	6.993.522.575	7.899.611.369	120.77		120.77		64.06
+ GTGT	8.643.000.000		8.643.000.000	-	8.643.000.000	9.659.899.999		9.659.899.999	4.047.558.615	5.612.341.384	111.77		111.77		64.94
+ TNDN	2.595.000.000		2.595.000.000		2.595.000.000	2.085.312.528		2.085.312.528	500.693.563	1.584.618.965	80.36		80.36		61.06
+ Tiêu thu ĐB	-		-			-		-							
+ Tài nguyên	1.094.000.000	-	1.094.000.000		1.094.000.000	3.147.921.417		3.147.921.417	2.445.270.397	702.651.020	287.74		287.74		64.23
2. Lệ phí trước bạ	8.142.000.000	-	8.142.000.000		8.142.000.000	4.350.038.948	-	4.350.038.948	-	4.350.038.948	53.43		53.43		53.43
-Trước bạ, ô tô xe máy	-					-		-							
-Trước bạ nhà đất và TS khác	-					-		-							
3. Thuế SD ĐNN	-			-	-	-		-							
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	10.000.000	-	10.000.000		10.000.000	22.822.919		22.822.919	-	22.822.919	228.23		228.23		228.23
5. Thu tiền thuê đất	353.000.000		353.000.000	53.000.000	300.000.000	1.114.978.179	167.246.714	947.731.465	763.292.447	184.439.018	315.86	-	268.48		61.48
6. Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000		3.000.000.000	1.200.000.000	1.800.000.000	4.298.137.600	648.976.890	3.649.160.710	1.053.253.150	2.595.907.560	143.27		121.64	87.77	144.22
Điều tiết 100% cho ngân sách các cấp	-														
Điều tiết theo tỷ lệ cho NS các cấp															
7. Thu cấp quyền khai thác	195.000.000	-	195.000.000		195.000.000	233.355.249	153.176.100	80.179.149	(115.175.191)	195.354.340					100.18
8. Thu phí và lệ phí	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000	1.507.642.445.00	55.807.000	1.451.835.445	857.513.134	594.322.311	137.06		131.99		54.03
+Phí tài nguyên	975.000.000		975.000.000		975.000.000	1.410.912.313	55.807.000	1.355.105.313	857.513.134	497.592.179					
+ Môn bài	-	-	-			-		-							
+ Các loại phí khác	125.000.000		125.000.000		125.000.000	96.730.132		96.730.132		96.730.132					
9. Thuế thu nhập cá nhân	1.397.000.000		1.397.000.000		1.397.000.000	1.093.581.707		1.093.581.707	71.846.684	1.021.735.023	78.28		78.28		73.14
10. Thu khác	1.047.000.000	-	1.047.000.000	-	1.047.000.000	944.559.206	320.075.291	624.483.915	133.989.703	490.494.212	90.22		59.65		46.85
- Hoa lợi công sản	444.000.000		444.000.000		444.000.000	256.257.000		256.257.000		256.257.000	57.72		57.72		57.72
- Các khoản thu khác	603.000.000		603.000.000		603.000.000	688.302.206	320.075.291	368.226.915	133.989.703	234.237.212	114.15		61.07		38.85
11.Các khoản huy động						189.460.000		189.460.000		189.460.000					60.18

Chi tiêu	Kế hoạch tính giao năm 2026					Thực hiện đến 30/6/2026					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra	
				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				T	X
II. Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý	-		-	-	-										
III. Thu từ NS cấp dưới nộp lên					-		-								
III. Thu chuyển nguồn	1.995.000.000		1.995.000.000		1.995.000.000	17.309.203.189		17.309.203.189		17.309.203.189					
V. Thu kết dư ngân sách					-		-								
VI. Thu bổ sung từ NS cấp trên	123.289.000.000	-	123.289.000.000	-	123.289.000.000	62.866.741.655	-	62.866.741.655	-	62.866.741.655	50.99		50.99	50.99	
1. Bổ sung cân đối	60.018.000.000		60.018.000.000		60.018.000.000	14.120.000.000		14.120.000.000		14.120.000.000	23.53		23.53	23.53	
2. Bổ sung có mục tiêu	63.271.000.000		63.271.000.000		63.271.000.000	48.746.741.655		48.746.741.655		48.746.741.655	77.04		77.04		
3. Bổ sung thực hiện chính sách tiền lương	-		-			-		-							

Phụ lục số 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 2282 /BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Lệ Ninh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện đến 30/6/2026	So sánh TH/DT
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>151.607.000.000</u>	<u>80.542.734.146</u>	<u>53.13</u>
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.542.000.000	1.704.285.000	<u>37.52</u>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	3.929.000.000	1.704.285.000	<u>43.38</u>
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	227.000.000		
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số			
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT			
5	Chi khoa học và công nghệ	159.000.000		
6	Chi đảm bảo XH			
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể			
8	Chi an ninh			
9	Chi quốc phòng			
10	Chi sự nghiệp môi trường			
11	Tiết kiệm 5% chi đầu tư	227.000.000		
II	Chi thường xuyên	144.805.000.000	77.449.449.146	<u>53.49</u>
1	Chi quốc phòng	1.931.000.000	1.463.400.000	<u>75.78</u>
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.980.000.000	1.000.499.700	<u>50.53</u>
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	62.823.000.000	29.076.868.880	<u>46.28</u>
4	Chi khoa học và công nghệ	342.000.000	85.000.000	<u>24.85</u>
5	Chi y tế, dân số và gia đình	7.616.000.000	5.199.618.596	<u>68.27</u>
6	Chi văn hoá thông tin, TDTT	144.000.000	69.219.520	<u>48.07</u>
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	400.000.000		<u>0.00</u>
8	Chi bảo vệ môi trường	396.000.000	362.960.037	<u>91.66</u>
9	Chi các hoạt động kinh tế	8.327.000.000	6.088.653.295	<u>73.12</u>
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	23.007.000.000	12.576.267.604	<u>54.66</u>
11	Chi đảm bảo xã hội	37.669.000.000	21.526.961.514	<u>57.15</u>
12	Chi khác ngân sách	170.000.000	122.000.000	<u>71.76</u>
III	Các nhiệm vụ chi khác			
IV	Ghi thu, ghi chi NSNN			
V	Chi nộp ngân sách cấp trên			
VI	Dự phòng ngân sách	2.260.000.000	1.267.000.000	<u>56.06</u>

ng

nnh

PHỤ LỤC SỐ 2.1

(Kèm theo Báo cáo số 2282 /BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Lê Ninh)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
I		Dự toán giao	2.260.000.000
II		Kinh phí đã thực hiện	1.267.000.000
1		hỗ trợ kinh phí cho các phòng ban, đơn vị thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	450.000.000
2	Phòng Văn Hoá-Xã hội		380.000.000
3	Công an xã		50.000.000
4	BCH Quân sự		20.000.000
5	Công an xã	triển khai nhiệm vụ công tác năm 2026, thực hiện các nội dung chỉ đảm bảo ANTT và hỗ trợ kêu gọi công dân thực hiện nghĩa vụ Công an	30.000.000
6	UBMTTQVN	Công tác tổ chức đại hội các hội quần chúng: Hội LHPN: 20 tr; Hội Cao tuổi: 15 tr; Hội cựu TNXP: 15 tr; Hội chữ thập đỏ: 10 tr; Hội Khuyến Học: 10 tr; Hội Cựu CAND: 8 tr; Hội Đồng ý: 6 tr; Hội NNKT DC BTNKT: 6 tr	90.000.000
7	Công an xã	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn công tác bảo vệ bí mật nhà nước năm 2026: 10 tr; Kinh phí tổ chức Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở giới lần thứ nhất năm 2026: 15 tr	25.000.000
8	Quân sự	KP mua sắm cơ sở vật chất đảm bảo hậu cần đời sống. SSCĐ, xây dựng chính quy, chi trả tiền ăn tiền công cho LLDQ trực SSCĐ bảo vệ Tết nguyên đán	175.000.000
9	Công an xã	Kinh phí tổ chức Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở	10.000.000
10	Công an xã	Kinh phí bảo đảm an ninh trật tự thi THCS và THPT	30.000.000
11	Quân sự	Thực hiện các hoạt động chuyên môn và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách	457.000.000
III		Dự toán còn lại	993.000.000

PL: 03 CÁC KHOẢN THU VẬN ĐỘNG ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN NĂM 2026

Từ 22/06/2026 đến ngày 30/6/2026

TT	HỌ VÀ TÊN	THÔN	Bảo trợ trẻ em	ĐỀN ON ĐÁP NGHĨA	CHẤT ĐỘC DA CAM	NHÂN ĐẠO	CAO TUỔI	TỔNG SỐ TIỀN NỢP
1	Phạm Duy Bốn	Thượng Xá	1.500.000	1.410.000	950.000	1.500.000	0	5.360.000
2	Trần Ngọc Văn	Thôn 2	2.370.000	2.370.000	1.570.000	2.370.000	1.185.000	9.865.000
3	Nguyễn Trọng Trới	Vinh Quang	2.145.000	2.145.000	1.430.000	2.145.000	1.072.000	8.937.000
4	Nguyễn Thọ Hưng	Xuân Sơn	1.455.000	1.065.000	1.455.000	950.000	727.000	5.652.000
5	Trần Văn Úy	Phước Vinh	1.335.000	1.245.000	900.000	1.350.000	682.000	5.512.000
6	Trần Văn Sơn	Ngô Xá	900.000	900.000	600.000	900.000	450.000	3.750.000
7	Lê Quang Ánh	Lại Xá	2.325.000	2.325.000	1.550.000	2.325.000	1.163.000	9.688.000
8	Nguyễn Thị Lệ Hà	Hoàng Đàm	1.650.000	1.650.000	1.100.000	1.650.000	825.000	6.875.000
9	Nguyễn Thế Phòng	Eo Rú	1.575.000	1.575.000	1.050.000	1.575.000	787.000	6.562.000
10	Nguyễn Văn Mạnh	2+ Quyết tiến	1.665.000	1.605.000	1.110.000	1.665.000	832.000	6.877.000
11	Trần Văn Tâm	Lộc Xá	1.545.000	1.545.000	1.030.000	1.545.000	772.000	6.437.000
12	Nguyễn Viết Quân	Xuân Bắc 2	2.535.000	2.440.000	1.710.000	2.475.000	953.000	10.113.000
13	Nguyễn Châu Sơn	Ngô Xá	1.320.000	1.320.000	880.000	1.320.000	660.000	5.500.000
14	Nguyễn Xuân Hạnh	Lăng Chùa	1.575.000	1.230.000	1.030.000	1.575.000	787.000	6.197.000
15	Nguyễn Văn Phong	Xuân Bắc 1	720.000	675.000	470.000	750.000	375.000	2.990.000
16	Cao Văn Lai	Thôn 6	2.130.000	2.130.000	1.420.000	2.130.000	1.065.000	8.875.000
17	Trương Văn Ánh	Hoàng Viễn	4.890.000	4.950.000	3.290.000	4.950.000	2.467.000	20.547.000
18	Nguyễn Bá Hùng	Mỹ Đức	4.305.000	4.305.000	2.870.000	4.305.000	2.152.000	17.937.000
19	Nguyễn Minh Phương	Trung Tín	1.905.000	1.905.000	1.270.000	1.905.000	952.000	7.937.000
20	Phạm Văn Huy	Liên Cơ	3.010.000	3.075.000	2.030.000	3.060.000	1.565.000	12.740.000
21	Nguyễn Đức Trường	Thôn 4	3.120.000	2.415.000	1.470.000	2.460.000	1.530.000	10.995.000
22	Trần Hứa Thanh	Xuân Bắc 3	1.395.000	1.290.000	910.000	1.395.000	690.000	5.680.000
23	Võ Đức Hậu	Mỹ Hòa	1.065.000	1.065.000	710.000	1.065.000	532.000	4.437.000
24	Nguyễn Thọ Khanh	Thôn Mã	2.250.000	2.235.000	1.480.000	2.250.000	1.125.000	9.340.000
25	Lê Văn Thuần	Thôn Ninh Lộc	720.000	735.000	490.000	735.000	360.000	3.040.000
26	Lê Duy Ninh	Thôn 3	2.325.000	2.325.000	1.550.000	2.325.000	1.163.000	9.688.000
Tổng cộng			51.730.000	49.930.000	34.325.000	50.675.000	24.871.000	211.531.000

Handwritten signatures and initials.